

*

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 25/11/2022)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Minh Tâm. Năm sinh: 10/10/1984.
- Chức vụ: chủ tịch MTTQ phường Ninh Thạnh.
- Đơn vị công tác: UBND phường Ninh Thạnh thành phố Tây Ninh.
- Nơi thường trú: Số 207 đường Bờ Lời khu phố Ninh Hòa, Phường Ninh

Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân; 072.084.006.759, ngày cấp 13 tháng 02 năm 2020, nơi cấp cục cảnh sát.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo. Năm sinh: 20/11/1986.

- Nghề nghiệp; nhân viên tư vấn tài chính.

- Nơi làm việc; Thị Trấn, Dương Minh Châu, Tây Ninh.

- Nơi thường trú, số 9 hẻm 13 khu phố 4 Thị Trấn, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân; 072186003829 ngày cấp 07/12/2017 nơi cấp Công An Tây Ninh.

- Đơn vị công tác: nhân viên tư vấn tài chính.

- Hộ khẩu thường trú: 207 khu phố Ninh Hòa, phường Ninh Thạnh thành phố Tây Ninh.

- Chỗ ở hiện tại: 207 khu phố Ninh Hòa, phường Ninh Thạnh thành phố Tây Ninh.

3. Con chưa thành niên (con đẻ; con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1 con thứ nhất;

- Họ và tên: Lê Nguyễn Minh Thư.

- Ngày, tháng, năm sinh: 22/05/2009.

- Nơi thường trú: Số 7 Huỳnh Tấn Phát, khu phố Hiệp Lễ, Phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân;
ngày cấp; nơi cấp.....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1 Đất ở: Không có

1.2 các loại đất khác: không có

2. nhà ở công trình xây dựng:

2.1 nhà ở: không có nhà riêng ở chung nhà Mẹ.

- 2.2 công trình xây dựng khác; *không có*
3. Tài sản khác gắn liền với đất; *Không có*.
4. Vàng, Kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: *Không có*.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

- *Không có*.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

- *Không có*.

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...); *Không Có*.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác); *Không có*.

8. Tài sản ở nước ngoài; *Không có*

9. Tài khoản ở nước ngoài; *Không có*.

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(28):

- Tổng thu nhập của người kê khai: *74.400.000 tr*

- Tổng thu nhập của vợ: *60.000.000 tr*

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: *Không có*

- Tổng các khoản thu nhập chung: *Không có*.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾(Không có biến động)

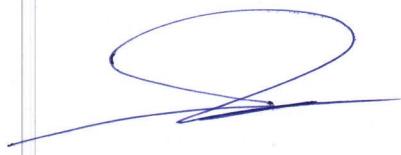
| Loại tài sản, thu nhập | Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾ | | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---|--|---------------------------|--|
| | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất | | | |
| 1.1. Đất ở | | | |
| 1.2. Các loại đất khác | | | |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng | | | |
| 2.1. Nhà ở | | | |
| 2.2. Công trình xây dựng khác | | | |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất | | | |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất | | | |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất | | | |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị | | | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| từ 50 triệu đồng trở lên | | | |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. | | | |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): | | | |
| 6.1. Cổ phiếu | | | |
| 6.2. Trái phiếu | | | |
| 6.3. Vốn góp | | | |
| 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác | | | |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: | | | |
| 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). | | | |
| 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). | | | |
| 8. Tài sản ở nước ngoài | | | |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ . | | | |

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập

Ngày 28 tháng 11 năm 2022

Người nhận Bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)



Nguyễn Thị Hồng Quế

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Người kê khai tài sản
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Minh Tâm